

<b>Mã thủ tục:</b>
<b>Tên thủ tục:</b> Ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh
<b>2. Lĩnh vực:</b> Kiểm soát TTHC
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>
<b>3.1. Gửi (nộp) hồ sơ TTHC</b>
<p>Trên cơ sở Quyết định công bố TTHC của Bộ, cơ quan ngang Bộ (đã được gửi theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC), cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND cấp tỉnh xây dựng Tờ trình, dự thảo Quyết định công bố danh mục TTHC và gửi đến Văn phòng UBND cấp tỉnh: Chậm nhất trước 12 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành (Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Quyết định công bố của bộ, cơ quan ngang bộ được đăng tải trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC).</p>
<p><i>Cách thức thực hiện:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nộp trực tiếp: Các Sở, ban, ngành cử đầu mối kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị mình nộp hồ sơ trực tiếp.</li> <li>- Trường hợp nộp qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Các Sở, ban, ngành cử đầu mối kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị mình truy cập Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, đăng ký/đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử thực hiện quy trình nộp hồ sơ trực tuyến.</li> </ul> <p><i>* Trường hợp đối tượng thực hiện TTHC là cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh thì thực hiện gửi hồ sơ qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình (trừ trường hợp Hệ thống bị lỗi không gửi được).</i></p>
<p><i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).</li> <li>- Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh địa chỉ (<a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a>).</li> </ul>

<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		<i>Gửi trực tiếp</i>	<i>Gửi trực tuyến</i>	
1	Tờ trình đề nghị công bố TTHC ( <i>Mẫu số 01-KSTTHC</i> )	Bản chính văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số	01
2	Dự thảo Quyết định công bố danh mục TTHC và Danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, danh mục TTHC bị bãi bỏ, quy trình liên thông, quy trình nội bộ giải quyết TTHC kèm theo ( <i>Mẫu số 02-KSTTHC</i> ).	Bản dự thảo văn bản giấy	Dự thảo văn bản điện tử, định dạng Microsoft Word	01
3	Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan phối hợp giải quyết TTHC trong trường hợp:  - TTHC liên thông được công bố trong các Quyết định của Bộ, cơ quan ngang Bộ chưa được phân định rõ trình tự thực hiện ( <i>Phân bước, phân trách nhiệm giải quyết của từng cơ quan và thời gian thực hiện từng bước</i> ).  - Cắt giảm thời gian giải quyết ở các bước thực hiện thuộc trách nhiệm của các cơ quan phối hợp đối với các TTHC đáp ứng điều kiện cắt giảm thời gian giải quyết.	Bản chính văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số	01
<i>Số bộ hồ sơ: 01</i>				
<b>3.2. Tiếp nhận hồ sơ TTHC</b>				

Cơ quan kiểm soát TTHC thuộc Văn phòng UBND tỉnh thực hiện quy trình tiếp nhận hồ sơ của cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Chương II Quyết định 02/2022/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh Hà Giang.

### ***3.3. Giải quyết, trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC***

Bước 1: Cơ quan kiểm soát TTHC thuộc Văn phòng UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm giúp Chánh Văn phòng UBND cấp tỉnh kiểm soát về hình thức, nội dung Quyết định công bố sau khi nhận được hồ sơ trình ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC. Trường hợp dự thảo Quyết định công bố đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng UBND cấp tỉnh trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh ký, ban hành: Chậm nhất trước 05 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành (*Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình ban hành Quyết định công bố*).

Bước 2: Đối với dự thảo Quyết định công bố chưa đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Cơ quan kiểm soát TTHC thuộc Văn phòng UBND cấp tỉnh gửi cơ quan, đơn vị dự thảo Quyết định công bố ý kiến góp ý để hoàn thiện dự thảo chậm nhất sau 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình ban hành Quyết định công bố.

Bước 3: Cơ quan dự thảo Quyết định công bố nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Quyết định công bố để trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh ký, ban hành chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản góp ý. Văn bản tiếp thu, giải trình được bổ sung kèm theo hồ sơ hoàn thiện trình ban hành Quyết định công bố.

Bước 4: Quyết định công bố sau khi được ký, ban hành phải gửi đến Cục Kiểm soát TTHC thuộc Văn phòng Chính phủ (*bản điện tử thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC*) và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết TTHC chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành để tích hợp dữ liệu để công khai, thiết lập quy trình giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định; đồng thời công khai ngay trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

*Cách thức thực hiện:* Trực tuyến

*Địa điểm trả kết quả:* Kết quả giải quyết điện tử được trả cho các Sở, ban, ngành qua tài khoản đầu mối kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và qua Hệ thống VNPT-Ioffice.

*Kết quả giải quyết:*

STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả	Số lượng
		Trả trực tuyến	

1	Quyết định công bố danh mục TTHC áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.	Văn bản điện tử được ký số hoặc Bản sao y ký số UBND tỉnh	01
4	<p><b>Thời hạn giải quyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo quy định của pháp luật: Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND cấp tỉnh phải được ban hành chậm nhất trước 05 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành.</li> <li>- Theo thực tế tại địa phương (Cắt giảm thời gian giải quyết nếu có): 08 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình ban hành Quyết định công bố đầy đủ và hợp lệ (<i>Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND cấp tỉnh phải được ban hành chậm nhất trước 05 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành</i>).</li> </ul>		
5	<b>Đối tượng thực hiện TTHC:</b> Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh.		
6	<p><b>Cơ quan giải quyết TTHC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan thực hiện: Cơ quan kiểm soát TTHC thuộc Văn phòng UBND cấp tỉnh.</li> <li>- Cơ quan phối hợp: Không.</li> <li>- Cơ quan có thẩm quyền: Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang.</li> </ul>		
7	<b>Phí, lệ phí:</b> Không.		
8	<p><b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TTHC nằm trong các Quyết định công bố của Bộ, cơ quan ngang Bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP.</li> <li>- TTHC có nội dung đúng với các quy định tại các Văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và đáp ứng các tiêu chí để ứng dụng được trong việc triển khai thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.</li> <li>- TTHC có đầy đủ bộ phận tạo thành quy định tại Mẫu số 02-KSTTHC và hình thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.</li> </ul>		

<p><b>9</b></p>	<p><b>Căn cứ pháp lý của TTHC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC;</li> <li>- Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC;</li> <li>- Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC.</li> </ul>
<p><b>10</b></p>	<p><b>Mẫu thành phần hồ sơ</b></p>

**Mẫu số 01-KSTTHC**

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN<sup>1</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC<sup>2</sup> Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...<sup>3</sup>...-...<sup>4</sup>...

...<sup>5</sup>..., ngày ... tháng ... năm ...

**TÊN LOẠI VĂN BẢN<sup>6</sup>**

.....<sup>7</sup>.....

-----

8

.....

.....

.....

.....

...../.

**Nơi nhận:**

- Như Điều ....;

- .....

- Lưu: VT, ...<sup>9</sup> ...<sup>10</sup> ...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ  
 CỦA NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
 dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

**Họ và tên**

-----

**Ghi chú:**

<sup>1</sup>Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

<sup>2</sup>Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành công văn.

<sup>3</sup> Chữ viết tắt tên loại văn bản.

<sup>4</sup> Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành văn bản.

<sup>5</sup> Địa danh.

<sup>6</sup> Tên loại văn bản

Mẫu này áp dụng chung đối với các hình thức văn bản hành chính có ghi tên loại gồm: chỉ thị, quy chế, quy định, thông cáo, thông báo, hướng dẫn, chương trình, kế hoạch, phương án, đề án, dự án, báo cáo, tờ trình, giấy ủy quyền, phiếu gửi, phiếu chuyển, phiếu báo.

<sup>7</sup> Trích yếu nội dung văn bản.

<sup>8</sup> Nội dung văn bản.

<sup>9</sup> Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

*Mẫu số 02-KSTTHC***ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

*Hà Giang, ngày tháng năm 20...***QUYẾT ĐỊNH****Công bố Danh mục TTHC... Lĩnh vực ...  
của Ngành .....áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019);*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ); Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ);*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;*

*Căn cứ.....;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở .....tại Tờ trình.....,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục TTHC ... Lĩnh vực ... của Ngành .....áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang (có danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .....(đúng vào ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định TTHC có hiệu lực thi hành).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở.....; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

-.....

- Lưu: VT, PVHCC.

**CHỦ TỊCH**

**PHẦN I. DANH MỤC  
TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ X/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ TỈNH HÀ GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)*

**I. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH**

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<b>A. TTHC CẤP TỈNH</b>								
<b>I. Lĩnh vực:...</b>								
1		Ghi chính xác tên TTHC	.... ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	.... ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ghi rõ cách thức tiếp nhận hồ sơ của khách hàng: Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (mức độ...)	Ghi rõ địa điểm tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Ví dụ: Quay giao dịch của Sở, ban... tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Giang, Số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.  Ghi rõ địa chỉ gửi hồ sơ trực tuyến....	..... đồng	- Luật, Nghị định, Thông tư, Nghị quyết của HĐND tỉnh..., Ví dụ: Nghị định số ...../20..../NĐ-CP, ngày .../...../20... của Chính phủ về việc....  - Văn bản quy định Phí/lệ phí, phan cấp, uỷ quyền (nếu có).  - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định công bố TTHC của Bộ, ban, ngành, VD: Quyết định số ...../QĐ-.... ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ.....
2								



<b>B.</b>	<b>TTHC CẤP HUYỆN</b>							
		.....						
<b>C.</b>	<b>TTHC CẤP XÃ</b>							
		.....						

## II. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Mã số TTHC hoặc Số thứ tự TTHC tại Quyết định công bố	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A.	TTHC CẤP TỈNH							
I	Lĩnh vực:.....							
1	Mã TTHC trên CSDL Quốc gia hoặc Số thứ tự TTHC tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Ghi chính xác tên TTHC	.... ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	.... ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ghi rõ cách thức tiếp nhận hồ sơ của khách hàng: Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (mức độ...)	Ghi rõ địa điểm tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, Ví dụ: Quầy giao dịch của Sở, ban... tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Giang, Số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.  Ghi rõ địa chỉ gửi hồ sơ trực tuyến....	..... đồng	- Luật, Nghị định, Thông tư, Nghị quyết của HĐND tỉnh..., Ví dụ: Nghị định số ...../20..../ND-CP, ngày ..../..../20... của Chính phủ về việc....  - Văn bản quy định Phí/lệ phí, phạt, cấp, ủy quyền (nếu có).  - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định công bố TTHC của

TT	Mã số TTHC hoặc Số thứ tự TTHC tại Quyết định công bố	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A.	TTHC CẤP TỈNH							
I	Lĩnh vực:.....							
								Bộ, ban, ngành, VD: Quyết định số ...../QĐ-.... ngày ..../.../... của Bộ trưởng Bộ.....
B.	TTHC CẤP HUYỆN							
I	Lĩnh vực:.....							
...								
C.	TTHC CẤP XÃ							
I	Lĩnh vực:.....							

### III. DANH MỤC TTHC THAY THẾ

TT	Mã số TTHC hoặc Số thứ tự TTHC tại Quyết định công bố	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc thay thế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A.	TTHC CẤP TỈNH								
I.	Lĩnh vực:								
1		Ghi chính xác tên TTHC	Ghi chính	.... ngày làm việc, kể từ ngày	.... ngày làm việc, kể từ ngày	Ghi rõ cách thức tiếp nhận hồ sơ	Ghi rõ địa điểm tiếp nhận hồ sơ của khách hàng,	..... đồng	- Luật, Nghị định, Thông tư, Nghị quyết của HĐND

			xác tên TTHC	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	của khách hàng: Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (mức độ...)	Ví dụ: Quầy giao dịch của Sở, ban... tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Giang, Số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.  Ghi rõ địa chỉ gửi hồ sơ trực tuyến....	tỉnh..., Ví dụ: Nghị định số ...../20..../NĐ-CP, ngày ..../...../20... của Chính phủ về việc....  - Văn bản quy định Phí/lệ phí, phan cấp, ủy quyền (nếu có).  - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định công bố TTHC của Bộ, ban, ngành, VD: Quyết định số ...../QĐ-..... ngày ..../.../... của Bộ trưởng Bộ.....
B.	TTHC CẤP HUYỆN							
	.....							
C.	TTHC CẤP XÃ							
	.....							

#### IV. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC hoặc Số thứ tự TTHC tại Quyết định công bố	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý cho việc bãi bỏ TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)
A. TTHC CẤP TỈNH			
I. Lĩnh vực:			
1			

B. TTHC CẤP HUYỆN			
...			
C. TTHC CẤP XÃ			
...			

**PHẦN II: QUY TRÌNH LIÊN THÔNG  
GIỮA CÁC CƠ QUAN THAM GIA  
GIẢI QUYẾT TTHC TRONG CÙNG BỘ TTHC**

**A. TTHC LIÊN THÔNG CẤP...**

**I. LĨNH VỰC: ...**

**1. Tên TTHC: ...**

<b>Bước 1:</b> Cơ quan A tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân (khách hàng), kiểm tra, thẩm định.....gửi (trình) Cơ quan B:.....ngày làm việc				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bru chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bru chính công ích:</i> .....				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC	
1	.....			
2				
3				
<i>Số lượng bộ hồ sơ:</i> .....				
.....				
.....				
.....				
<b>Bước n+1:</b> Cơ quan N (cơ quan có thẩm quyền giải quyết) tiếp nhận hồ sơ, phê duyệt...và gửi kết quả cho cơ quan A (hoặc cơ quan B, C...) để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do:.....ngày làm việc				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bru chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh				
<i>Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bru chính công ích:</i> .....				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc	Gửi liên thông qua HTTTGQ	

		qua DVBCCI	TTHC	
1				
2				
<b>Bước n+2:</b> Cơ quan A trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc dịch vụ công trực tuyến.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bru chính công ích: .....				
- DVC trực tuyến: Qua tài khoản tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia:.....				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
1				
2				

**Phần III.**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC**

**1. Các TTHC áp dụng quy trình.....ngày làm việc**

STT	Mã TTHC	Tên TTHC

**2. Nội dung quy trình**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)		Cơ quan phối hợp (nếu có)
			Đối với trường hợp:.....	Đối với trường hợp:.....	
<b>Bước 1</b>	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	CCVC trực Bộ phận Một cửa			Cơ quan liên thông
<b>Bước 2</b>	Thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến (nếu cần)	CCVC Phòng/đơn vị chuyên môn			
Bước n	Phối hợp xử lý	Chuyển cơ quan/đơn vị phối hợp			Tên cơ quan/đơn vị
Bước n+1	Tổng hợp kết quả	CCVC Phòng/đơn vị chuyên môn			
<b>Bước n+2</b>	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo cơ quan/đơn vị			Cơ quan liên thông

<b>Bước n+3</b>	Phát hành kết quả (cấp số, đóng dấu)	Văn thư,			
<b>Bước n+4</b>	Trả kết quả	CCVC trực Bộ phận Một cửa			

**Ví dụ:** Cấp xã: Bước 1, Bước 2, Bước n+2, Bước n+3, Bước n+4; Cấp huyện: 5 bước (thẩm quyền Phòng) - 6 bước (thẩm quyền UBND cấp huyện hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện).